

**THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TRÒ CHƠI VẬN ĐỘNG
TRONG QUÁ TRÌNH GIẢNG DẠY HỌC SINH KHỐI 10
TRƯỜNG TH, THCS&THPT CHU VĂN AN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**

Phạm Duy Khánh
Trường Đại học Tây Bắc

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 3/6/2023
Ngày nhận đăng: 28/7/2023

Từ khoá: Trò chơi vận động, Giáo dục thể chất, thể dục thể thao.

TÓM TẮT

Bài báo đã đánh giá đúng đắn về thực trạng sử dụng trò chơi vận động trong dạy và học Giáo dục thể chất tại Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc, xác định các nguyên nhân ảnh hưởng tới dạy và học Giáo dục thể chất học sinh Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc. Từ đó, đề xuất được 30 trò chơi vận động phát triển thể lực chuyên môn cho học sinh Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, Trường Đại học Tây Bắc.

1. Đặt vấn đề

Trong chương trình giảng dạy ở các cấp học đa phần sử dụng các bài tập thể dục phát triển chung, các môn điền kinh và một số môn thể thao khác như: thể dục nhịp điệu, cầu lông, đá cầu, bóng rổ, bóng chuyền... Với điều kiện sân bãi của các trường học như ở các Trường THPT thì có mặt hạn chế là chưa đảm bảo được nhu cầu tập luyện của hầu hết các lớp học sinh tham gia tập luyện cùng thời gian. Qua thực tế giảng dạy các nội dung theo phân phối chương trình đối với học sinh khối 10 trên phạm vi toàn quốc, cho thấy hầu hết các em đã nắm bắt được nội dung kiến thức của giờ học nhưng các em chưa có nhiều thời gian được tham gia chơi các trò chơi dân gian, trò chơi vận động (TCVD). Vì đại đa số giáo viên nhận thức chưa đầy đủ về lợi ích của TCVD, lược bỏ các bài tập bổ trợ và đặc biệt là TCVD. Các giáo viên chỉ chú trọng đến nội dung cơ bản của buổi tập mà bỏ qua các trò chơi vận động(TCVD) chỉ vì điều kiện khách quan khó tổ chức tập luyện, mặc dù họ biết rằng tập luyện TCVD thì hình thức đa dạng, lôi cuốn được học sinh hăng hái tham gia lại có tác dụng góp phần phát triển các tố chất vận động và đem đến hứng thú, vui chơi giải trí là rất cần thiết cho học sinh nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục thể chất (GDTC)và học tập văn hoá.

Vì vậy vấn đề đặt ra cần đa dạng hoá các loại hình bài tập đặc biệt là các TCVD để học sinh có thể tập luyện, mà không bị điều kiện cơ

sở vật chất thiếu thốn chi phối. Do đó cần phải tìm các TCVD sao cho nội dung, hình thức dễ được thực hiện, không đòi hỏi tốn kém về kinh phí, trang thiết bị, thuận lợi cho việc tổ chức giảng dạy. Khi tham gia các TCVD còn làm phát triển thể lực cho học sinh vì TCVD rất phong phú, đa dạng về nội dung và hình thức. Thông qua TCVD các em có điều kiện hoàn thiện bản thân về thể chất và nhân cách.

2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Trong quá trình nghiên cứu, bài báo đã sử dụng các phương pháp thường quy trong nghiên cứu khoa học TDDT, bao gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp phỏng vấn và tọa đàm; Phương pháp toán học thống kê.

2.1. Thực trạng cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện phục vụ công tác giáo dục thể chất của Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An.

Đề tài tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng cơ sở vật chất tại Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An, kết quả thu được như trình bày ở bảng 2.1.

Từ bảng 2.1 cho thấy: Cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ cho công tác giảng dạy và tập luyện TDDT của Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác GDTC cho học sinh. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế.

- *Về chất lượng*: Nói chung chất lượng sân bãi dụng cụ phục vụ cho tập luyện chỉ đạt mức trung bình do thời gian và tác động của người tập, chưa được cải tạo kịp thời.

- *Về dụng cụ và trang thiết bị*: Dụng cụ và trang thiết bị còn thiếu, mới chỉ đáp ứng được 50% yêu cầu giảng dạy và tập luyện.

Bảng 2.1. Thực trạng về cơ sở vật chất, sân bãi tập luyện phục vụ cho công tác giảng dạy và tập luyện TDTT của Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An

TT	Loại sân bãi, dụng cụ	Số lượng	Chất lượng đáp ứng
1	Nhà tập đa năng	0	
2	Sân bóng chuyền	02	Sân xi măng, chất lượng ở mức độ khá
3	Sân bóng rổ	01	Sân xi măng, đáp ứng ở mức độ TB
4	Sân cầu lông	3	Sân xi măng, đáp ứng ở mức độ khá
5	Sân bóng đá mi ni	01	Sân cỏ nhân tạo chất lượng tốt
6	Đường chạy vòng 240m	01	Đường chất lượng TB
7	Đường chạy 60 -100m	01	Đường chất lượng trung bình
8	Cột xà, đệm nhảy cao	02 bộ	Hồ cát chất lượng trung bình
9	Hồ nhảy xa	02	Hồ cát chất lượng trung bình
10	Sân đẩy tạ	01	Sân đất, tương đối đáp ứng.
11	Sân tập thể dục 20x30m	01	Sân xi măng, chất lượng khá
12	Sân đá cầu	02	Sân xi măng, chất lượng khá
13	Các dụng cụ, trang thiết bị tập luyện	Đủ đáp ứng yêu cầu 50%	

2.2. Thực trạng việc sử dụng trò chơi vận động trong quá trình giảng dạy cho học sinh khối 10 Trường TH, THCS&THPT Chu Văn An.

2.2.1. Quan điểm của giáo viên đối với việc sử dụng trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An.

Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 18 giảng viên GDTC của trường Đại học Tây Bắc về việc đánh giá vai trò của TCVĐ đối với phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An. Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 2.2.

Qua bảng 2.2 thấy quan điểm nhận thức về vai trò tác dụng của TCVĐ đối với việc GDTC

Bảng 2.2. Kết quả phỏng vấn quan điểm, nhận thức của giáo viên với việc sử dụng TCVĐ phát triển thể lực cho HS khối 10 TH,THCS&THPT Chu Văn An (n = 18)

TT	Nội dung	Quan trọng		Bình thường		Không quan trọng	
		n	%	n	%	n	%
1	Vai trò tác dụng của TCVĐ đối với việc phát triển các tố chất thể lực cho học sinh khối lớp 10	12	66.7	5	27.8	1	5.6
2	Vai trò tác dụng của TCVĐ đối với việc phát triển các phẩm chất tâm lý cho học sinh khối lớp 10	1	5.6	15	83.3	2	11.1

của đội ngũ giáo viên chưa thật đồng nhất: Đối với sự phát triển các tố chất thể lực có 12/18 ý kiến đánh giá ở mức quan trọng chiếm 66,7%, có 5/18 ý kiến cho rằng có tác dụng bình thường chiếm 27,8%, có 1/18 ý kiến cho là không quan trọng chiếm 5,6%; Đối với việc giáo dục các phẩm chất tâm lý cho học sinh thì có 1/18 ý kiến đánh giá ở mức quan trọng chiếm 5,6%, và 15/18 giáo viên cho rằng có tác dụng bình thường chiếm 83,3%, có 2/18 ý kiến cho rằng là không quan trọng chiếm 11,1%. Điều này cũng sẽ ảnh hưởng không tốt tới quá trình sử dụng TCVĐ để phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An.

2.2.2. Thực trạng việc sử dụng trò chơi vận động trong quá trình giảng dạy học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An.

Nhằm đánh giá thực trạng việc sử dụng TCVD để phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An., đề

Bảng 2.3. Thực trạng việc sử dụng trò chơi vận động trong quá trình giảng dạy cho học sinh khối 10 trường TH,THCS&THPT Chu Văn An (n = 18)

TT	Nội dung trò chơi	Kết quả					
		Thường xuyên		Có sử dụng		Không sử dụng	
		n	%	n	%	n	%
1	Trò chơi phát triển trí tuệ	0	0	7	38.9	11	61.1
2	Trò chơi rèn luyện khả năng định hướng	0	0	9	50	9	50
3	Trò chơi rèn luyện kỹ năng chạy, nhảy	0	0	9	50	9	50
4	Trò chơi rèn luyện kỹ năng ném, đẩy, tung, bắt bóng	0	0	12	66.7	6	33.3

Thông qua bảng 2.3 thấy được: Việc sử dụng TCVD để phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An đã có triển khai xong chưa được thường xuyên. Trò chơi phát triển trí tuệ số người phỏng vấn cho rằng không sử dụng chiếm tỷ lệ 11/18 chiếm 61,1%. Hai nội dung trò chơi rèn luyện khả năng định hướng và trò chơi rèn luyện kỹ năng chạy, nhảy, khéo léo phát triển sức nhanh - sức mạnh, thì có 50% số người phỏng vấn có sử dụng và 50% số người phỏng vấn cho là không

tài đã tiến hành phỏng vấn 18 giáo viên giảng dạy môn Thể dục Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An. về việc sử dụng TCVD trong quá trình giảng dạy. Kết quả phỏng vấn thể hiện trên bảng 2.3.

sử dụng. Riêng nội dung trò chơi rèn luyện ném đẩy, tung bắt bóng tỷ lệ người sử dụng là 66,7% là cao nhất. Điều đó khẳng định việc sử dụng TCVD trong giảng dạy của học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An chưa được thường xuyên.

Đề tài tiến hành phỏng vấn về yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sử dụng TCVD trong giờ học chính khóa của học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An kết quả được trình bày ở bảng 2.4.

Bảng 2.4. Kết quả phỏng vấn về yếu tố ảnh hưởng đến quá trình sử dụng TCVD trong giờ học của học sinh khối 10 trường TH,THCS&THPT Chu Văn An (n = 18)

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Kết quả phỏng vấn	
		n	%
1	Sân bãi dụng cụ	14	77.8
2	Nội dung chương trình học	12	66.7
3	Thời gian giảng dạy còn hạn chế	9	50.0

Qua bảng 2.4 thấy được: Yếu tố ảnh hưởng mà người phỏng vấn cho rằng ảnh hưởng đến quá trình sử dụng TCVD vào giảng dạy nhiều nhất là do sân bãi dụng cụ là 14/18 chiếm tỷ lệ 77,8%; nội dung chương trình học là 12/18 chiếm tỷ lệ 66,7%; thời gian dạy còn hạn chế là 9/18 chiếm tỷ lệ 50%. Như vậy thấy được tất cả các nội dung đề tài đưa ra phỏng vấn tỷ lệ người cho rằng đều ảnh hưởng đến việc sử dụng TCVD. Chính vì vậy việc vận dụng TCVD vào trong quá trình giảng dạy cho học

sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An cần phải tiến hành nghiên cứu, đưa vào sử dụng một cách thường xuyên là rất cần thiết.

2.2.3. Mức độ hứng thú học tập môn Thể dục khi có trò chơi vận động đối với học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An

Để đảm bảo tính khách quan về việc sử dụng TCVD vào trong giờ học, đề tài tiến hành phỏng vấn 73 học sinh khối 10 Trường

TH,THCS&THPT Chu Văn An về mức độ hứng thú được trình bày tại bảng 2.5.

thú học khi có TCVĐ trong giờ học. Kết quả

Bảng 2.5. Kết quả phỏng vấn mức độ hứng thú học khi có TCVĐ trong giờ học đối với học sinh Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An (n = 73)

TT	Nội dung phỏng vấn	Kết quả	
		n	%
I	Bạn thích học môn Thể dục không?	73	
	Có	60	81.0
	Không	13	19.0
1	Nếu không tại sao?	13	
	Cơ sở vật chất không đảm bảo	11	84.6
	Sức khoẻ kém	2	15.4
2	Nếu có thích học môn Thể dục thì tại sao?	60	
	Được vui chơi	50	83.3
	Được học những môn thể thao mình yêu thích	6	10.0
	Giáo viên dạy nhiệt tình	4	6.6
II	Bạn có thích chơi TCVĐ trong giờ Thể dục không?	73	
	Có	70	95.8
	Không	3	4.2
1	Không tại sao?	3	
	Mệt	1	33.3
	Dễ xảy ra chấn thương	1	33.3
	Sân bãi dụng cụ còn thiếu	1	33.3
2	Nếu có tại sao?	70	
	Phát triển thể lực	60	85.7
	Được vui chơi	65	92.8
	Được thi đấu giao lưu trong khi chơi	58	82.8
	Rèn luyện tinh thần đồng đội, phát huy tính độc lập, sáng tạo trong khi chơi	66	94.2
III	Nhóm trò chơi nào bạn thích chơi?	73	
	Trò chơi phát triển trí tuệ	50	68.4
	Trò chơi rèn luyện khả năng định hướng	65	89.0
	Trò chơi rèn luyện kỹ năng chạy, nhảy	70	95.8
	Trò chơi rèn luyện kỹ năng ném, đẩy, tung, bắt	67	91.7

Qua kết quả phỏng vấn bảng 2.5 thấy được:

* Về câu hỏi “*Bạn có thích học môn Thể dục không?*”: tỷ lệ trả lời “Có” chiếm 81% và “Không” chiếm 19%.

- Trong số “Không” cho rằng: cơ sở vật chất không đảm bảo chiếm 84,6%; Do sức khoẻ kém chiếm 15,4%;

- Trong số “Có” thì cho rằng: Được vui chơi chiếm 83,3%; Được học những môn thể thao mình yêu thích chiếm 10%; Giáo viên giảng

dạy nhiệt tình chiếm 6.6%.

* Về câu hỏi “*Bạn có thích chơi trò chơi vận động trong giờ học Thể dục không?*”: trong 73sinh viên được hỏi, thì tỷ lệ trả lời là “Có” chiếm 95,8%; chỉ có4,2% trả lời là “Không”.

- Trong số trả lời là “Không” cho rằng: Do mệt chiếm 33.3%; Do dễ xảy ra chấn thương chiếm 33.3%; Do sân bãi dụng cụ còn thiếu chiếm 33.3%.

- Trong số trả lời là “Có” cho rằng: là để

phát triển thể lực chiếm 85,7%; vì được vui chơi, giải trí chiếm 92,8%; là được thi đấu giao lưu trong khi chơi chiếm 82,8%; là để được rèn luyện tinh thần đồng đội và phát huy tính độc lập sáng tạo trong khi chơi chiếm 94,2%.

* Về câu hỏi “Nhóm trò chơi nào bạn có thích”: trò chơi phát triển trí tuệ chiếm 68,4%; trò chơi rèn luyện khả năng định hướng chiếm 89,0%; trò chơi rèn luyện kỹ năng chạy, nhảy chiếm 95,8%; trò chơi rèn luyện ném đẩy, tung bắt bóng chiếm tỷ lệ 91,7%.

2.3. Thực trạng về thể lực của học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An

Để có những cứ liệu cần thiết làm cơ sở lựa chọn các trò chơi vận động trong giờ học nhằm nâng cao thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An. Đề tài

Bảng 2.6. Kết quả kiểm tra thể lực của học sinh khối 10 TH,THCS&THPT Chu Văn An theo tiêu chuẩn đánh giá thể lực học sinh (Nam n = 36; Nữ n = 37)

T T	Nội dung kiểm tra	Giới tính	TC RLTT mức đạt	Kết quả kiểm tra($\bar{x} \pm \delta$)	Số người đạt chỉ tiêu	Tỷ lệ %
1	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	Nam (n=36)	≥ 13	13 ± 2	20	55.55
		Nữ (n=37)	≥ 12	12 ± 3	16	43.2
2	Bật xa tại chỗ (cm)	Nam (n=36)	≥ 191	200 ± 20.5	22	61.4
		Nữ (n=37)	≥ 147	156 ± 18.8	21	56.7
3	Chạy 30m XPC (s)	Nam (n=36)	≤ 6.20	6.18 ± 0.7	15	41.6
		Nữ (n=37)	≤ 7.10	7.25 ± 0.92	18	48,6
5	Chạy tùy sức 5 phút (m)	Nam (n=36)	≥ 910	912.60 ± 98.15	14	38.8
		Nữ (n=37)	≥ 790	816.58 ± 87.69	15	40.5

Từ kết quả của bảng 2.6, cho thấy: Trình độ thể lực của học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An còn rất hạn chế, tỷ lệ học sinh không đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực ở các nội dung kiểm tra chiếm tỉ lệ cao, trong khi đó số học sinh đạt tiêu chuẩn nhưng cũng chỉ ở mức trung bình.

2.4. Đề xuất hệ thống các trò chơi vận động nhằm phát triển thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An.

Để lựa chọn các TCVD nhằm nâng cao thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An đề tài đã căn cứ vào điều kiện cụ thể của đối tượng, đồng thời tham khảo các tài liệu, các công trình nghiên cứu về TCVD của các chuyên gia. Đề tài đã tổng hợp được 30 TCVD có tác dụng nâng cao

tiến hành tìm hiểu về thực trạng trình độ thể lực của học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An

2.3.1. Đề tài tiến hành kiểm tra đánh giá trình độ thể lực của học sinh khối 10 theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành. Các nội dung đánh giá bao gồm 4/6 test: Chạy 30m xuất phát cao (giây); Bật xa tại chỗ (cm); Nằm ngửa gập bụng (lần/ 30 giây); Chạy tùy sức 5 phút (m).

Đối tượng khảo sát bao gồm: 73 học sinh khối 10 (trong đó số học sinh nam là 36 và số học sinh nữ là 37), số liệu thu thập trong quá trình khảo sát được lấy từ kết quả kiểm tra được lưu trữ tại Trung tâm

Giáo dục thể chất của nhà trường. Kết quả được trình bày ở bảng 2.6

thể lực chung cho đối tượng nghiên cứu. Sự lựa chọn trên đây sao mới chỉ là căn cứ vào những cơ sở mà chúng tôi đã nêu ở trên. Điều quan trọng là phải kiểm chứng mức độ phù hợp của chúng với đối tượng nghiên cứu. Vì vậy chúng tôi tiến hành phỏng vấn (bằng phiếu hỏi) các chuyên gia, các giáo viên giảng dạy môn (GDTC) Thể dục mức độ quan trọng đối với các trò chơi. Kết quả được trình bày tại bảng 2.7.

Qua bảng 2.7 cho thấy: Trong 28 trò chơi mà đề tài lựa chọn để tiến hành phỏng vấn, thì có 9 trò chơi có số người lựa chọn từ cần thiết đến rất cần thiết từ 85% trở lên. Còn lại các trò chơi khác đều có tỷ lệ người không tán thành tương đối cao chiếm từ 15% trở lên.

Bảng 2.7. Kết quả phỏng vấn lựa chọn TCVD nhằm nâng cao thể lực cho học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An (n = 22)

TT	Trò chơi	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết	
		n	%	n	%	n	%
I	Nhóm trò chơi phát triển trí tuệ						
1	Đoán xem ai	4	18.2	5	22.7	13	59.1
2	Tạo nhóm	20	90.9	1	4.5	1	4.5
3	Làm theo hiệu lệnh	6	27.3	5	22.7	11	50.0
II	Nhóm trò chơi rèn luyện khả năng định hướng						
4	Thổi bóng vào cầu môn	3	13.6	5	22.7	14	63.6
5	Bịt mắt bắt dê	20	95.5	1	4.5	1	4.5
6	Trốn tìm	7	31.8	3	13.6	12	54.5
III	Nhóm trò chơi rèn luyện kỹ năng chạy, nhảy						
7	Ai khéo nhất	4	18.2	8	36.4	10	45.5
8	Ai nhanh hơn	6	27.3	4	18.2	12	54.5
9	Cướp cờ	19	86.4	2	9.1	1	4.5
10	Người cuối cùng	1	4.5	4	18.2	17	77.3
11	Nhảy bao bố	6	27.3	3	13.6	13	59.1
12	Nhảy ô tiếp sức	3	13.6	8	36.4	11	50.0
13	Lò cò tiếp sức	22	100.0	0	0.0	0	0.0
14	Lăn bóng	5	22.7	7	31.8	10	45.5
15	Chơi gà	4	18.2	6	27.3	12	54.5
16	Dăng lưới bắt cá	2	9.1	8	36.4	12	54.5
17	Chạy tiếp sức	21	95.5	1	4.5	0	0.0
18	Hoàng anh, hoàng yến	3	13.6	10	45.5	9	40.9
19	Đẩy gậy	1	4.5	10	45.5	11	50.0
20	Người thừa thứ 3	19	86.3	3	13.6	0	0
21	Mèo đuổi chuột	1	4.5	9	40.9	12	54.5
22	Kéo cò	4	18.2	7	31.8	11	50.0
23	Cua đá bóng	3	13.6	7	31.8	12	54.5
IV	Nhóm trò chơi rèn luyện kỹ năng ném, đẩy, tung, bắt bóng						
24	Tung bóng cho nhau	7	31.8	4	18.2	11	50.0
25	Bóng chuyền sáu	19	86.4	2	9.1	1	4.5
26	Chuyền bóng qua đầu	19	86.4	2	9.1	1	4.5
27	Bóng chạy chữ chi	7	31.8	6	27.3	9	40.9
28	Bóng qua chân	21	95.5	1	4.5	0	0.0

Như vậy, thông qua phỏng vấn đề tài đã lựa chọn được 9 trò chơi vận động để tiến hành áp dụng vào thực nghiệm để nâng cao thể lực cho học sinh khối 10 TH,THCS&THPT Chu Văn An đó là các trò chơi:

* Nhóm trò chơi phát triển trí tuệ: Trò chơi tạo nhóm

* Nhóm trò chơi rèn luyện khả năng định hướng: Trò chơi bịt mắt bắt dê

* Nhóm trò chơi rèn luyện kỹ năng chạy, nhảy: 04 trò chơi

- Cướp cờ; Người thừa thứ 3; Chạy tiếp sức;

Lò cò tiếp sức

* Nhóm trò chơi rèn luyện kỹ năng ném, đẩy, tung, bắt bóng: 03 trò chơi

- Bóng chuyền sáu; Bóng chuyền qua đầu; Bóng qua chân.

3. Kết luận

Qua kết quả nghiên cứu, có thể rút ra một số kết luận sau:

1. Cơ sở vật chất, sân bãi phục vụ cho công tác giảng dạy và tập luyện TDTT của trường TH,THCS&THPT Chu Văn An cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác GDTC cho học sinh. Tuy

nhiên, vẫn còn một số hạn chế.

- *Về chất lượng*: Nói chung chất lượng sân bãi dụng cụ phục vụ cho tập luyện chỉ đạt mức trung bình do thời gian và tác động của người tập, chưa được cải tạo kịp thời.

- *Về dụng cụ và trang thiết bị*: Dụng cụ và trang thiết bị còn thiếu, mới chỉ đáp ứng được 50% yêu cầu giảng dạy và tập luyện.

2. Quan điểm nhận thức về vai trò tác dụng của TCVD đối với việc GDTC của đội ngũ giáo viên chưa thật đồng nhất

3. Khẳng định việc sử dụng TCVD trong giảng dạy của học sinh khối 10 Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An chưa được thường xuyên.

4. Trình độ thể lực của học sinh khối 10

Tài liệu tham khảo

1. Phạm Tiến Bình (1985), *100 trò chơi khỏe*; NXB TDTT, Hà Nội.
2. Hoàng Thị Đông (2005), *Lý luận và phương pháp TDTT*, NXB TDTT, Hà Nội.
3. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý học TDTT*, NXBTDTT HN.
4. Trịnh Trung Hiếu (1997), *Lý luận và phương*

Trường TH,THCS&THPT Chu Văn An còn rất hạn chế, tỷ lệ học sinh không đạt tiêu chuẩn đánh giá xếp loại thể lực ở các nội dung kiểm tra chiếm tỉ lệ cao, trong khi đó số học sinh đạt tiêu chuẩn nhưng cũng chỉ ở mức trung bình.

Lời cảm ơn

Tác giả xin được cảm ơn Ban Giám hiệu, Phòng KHCN&HTQT, Khoa Cơ Sở và Bộ môn TDTT đã tạo mọi điều kiện cho tác giả hoàn thành công trình nghiên cứu. Cảm ơn đồng nghiệp đã giúp đỡ nghiên cứu. Bài báo là sản phẩm khoa học của Đề tài cấp cơ sở năm học 2022 - 2023 mã số TB2022-19 Trường Đại học Tây Bắc.

pháp giáo dục thể dục thể thao trong nhà trường, NXB TDTT, Hà Nội.

5. Mai Văn Muôn (1989), *Trò chơi xưa và nay*; NXB TDTT, Hà Nội.
6. Philin V.P (1996), *Lý luận và phương pháp thể thao trẻ*, (Nguyễn Quang Hưng dịch), NXB TDTT Hà Nội.

THE CURRENT STATUS OF USING PHYSICAL GAMES IN TEACHING 10TH-GRADE STUDENTS AT CHU VAN AN PRIMARY, SECONDARY & HIGH SCHOOL, TAY BAC UNIVERSITY

Pham Duy Khanh
Tay Bac University

Abstract: *The article accurately assesses the current use of physical games in teaching Physical Education at Chu Van An Primary, Secondary & High School, Tay Bac University, and identifies the factors affecting Physical Education teaching and learning at this school. Based on this assessment, the article proposes 30 physical games designed to enhance the physical fitness of students at Chu Van An Primary, Secondary & High School, Tay Bac University.*

Keywords: *Physical games, Physical education, sports*